

CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

ĐỖ HUY*

Trước năm 1945, Việt Nam là một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, tuyệt đại bộ phận nhân dân sống lầm than, cơ cực trong bất công của thân phận người dân mất nước. Hơn 90% người nông dân không có ruộng cày phải đi làm thuê, cấy mướn. Người công nhân trong nhà máy, hầm mỏ bị bóc lột sức lao động đến cạn kiệt. Nhiều tộc người ở miền xa, miền sâu còn sống du canh, du cư, không nhà ở, sinh hoạt như người cổ xưa. Đói nghèo, sự bất bình đẳng toàn diện là bức tranh tổng quát của xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc giải phóng vĩ đại đối với mọi bất công và đặt cơ sở cho một tiến trình thực hiện mục tiêu công bằng xã hội kiểu mới. *Trước hết*, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là *cuộc cách mạng giải phóng dân tộc*. Cuộc cách mạng này mang lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Nước Việt Nam phải được độc lập, nhân dân Việt Nam phải được tự do. Đó là công bằng xã hội lớn nhất trong quan hệ Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Đó là công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân Việt Nam trong cộng đồng nhân loại. Như tất cả các dân tộc khác, nhân dân Việt Nam phải có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không chỉ xác lập quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trong cộng đồng nhân loại; nó còn thống nhất quyền lợi của các dân tộc đa số và dân tộc thiểu số ở

* GS.TS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Việt Nam. Cuộc cách mạng ấy đã đem lại cơ hội để đồng bào miền ngược, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa phát triển mọi khả năng của mình.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cũng đã chấm dứt chế độ chia để trị của chủ nghĩa thực dân, thống nhất ba vùng lãnh thổ Việt Nam thành một nước độc lập và thống nhất, mang lại công bằng mới về sự hưởng thụ, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi vùng dân cư trên đất nước Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn là một cuộc *giải phóng giai cấp*. Thắng lợi của cuộc Cách mạng này đã làm thay đổi địa vị của tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động. Từ địa vị người làm thuê, người bị áp bức, bóc lột, Cách mạng đã trả lại sự công bằng cho họ bằng cách làm cho họ trở thành chủ nhân thực sự của bản thân mình và của xã hội. Cách mạng cũng mang lại cơ hội ngàn năm có một cho những giai cấp áp bức, bóc lột trở thành người công dân chân chính của xã hội, khi họ tham gia lao động để tự cải tạo bản thân mình và góp công sức xây dựng công bằng xã hội mới.

Công cuộc giải phóng giai cấp ở Việt Nam đã mang một giá trị nhân đạo cao cả và xác lập các chuẩn mực công bằng mới. Đó là các chuẩn mực xác lập lại *vấn đề quyền lực vốn là chìa khóa của mọi sự công bằng* trong xã hội. *Sự độc quyền chân lý* của giai cấp thống trị - nguyên nhân chính của mọi sự bất công - đã bị xóa bỏ. Khi quyền lực thuộc về nhân dân lao động thì công bằng xã hội được xác lập từ hệ chuẩn của lao động. Lao động cho mình, lao động cho đất nước là cơ sở để hình thành những chuẩn mực pháp lý cũng như những chuẩn mực đạo đức để đánh giá sự cống hiến và hưởng thụ một cách công bằng.

Cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở Việt Nam là một cuộc *giải phóng xã hội sâu sắc*. Cách mạng đã xóa bỏ những thành kiến xã hội bất công. Cách mạng đã cải tạo lại những phong tục, tập quán lạc hậu kìm trói sự phát triển của con người. Cách mạng đã giải phóng và nâng cao vị thế xã hội của người phụ nữ. Các băng đảng, các thế lực “xã hội đen” từng gây nhức nhối trong đời sống xã hội đã bị cách mạng trừng trị. Có thể nói, về phương diện xã hội, cách mạng đã tạo ra bộ mặt công bằng mới.

Cách mạng thành công không được bao lâu, nhân dân Việt Nam lại phải cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Hàng triệu thanh niên trai tráng đã từ bỏ đồng ruộng, nhà máy, công sở, trường học để ra mặt trận chống quân xâm lược. Công bằng xã hội lúc này là các chuẩn mực về sự cống hiến cho Tổ quốc. Ở hậu phương, mọi người đều phải tham gia sản xuất. Ở tiền tuyến, mọi người đều phải thi đua giết giặc. Công bằng xã hội trong thời chiến lấy chuẩn mực *cống hiến* làm nền gốc chính. Chuẩn mực này đã góp phần to lớn vào những thành công của cách mạng Việt Nam. Trong thời chiến, mọi người không nghĩ đến hưởng thụ. Ai ai cũng

nghĩ đến việc làm sao cống hiến được nhiều cho Tổ quốc để mau chóng đuổi được quân xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Khi kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, người ta mới nghĩ tới *cống hiến và hưởng thụ*. Để tạo lập sự công bằng xã hội, công cuộc cải tạo xã hội và cải cách ruộng đất ở Việt Nam đã chia lại ruộng đất cho người không có hoặc thiếu ruộng cấy; cải tạo lại các giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất, cải tạo lại chỗ ở; tập thể hóa, công hữu hóa tư liệu lao động. Công cuộc cải tạo xã hội, tập thể hóa và công hữu hóa đã tạo ra sự phấn khởi mới trong xã hội. Công bằng xã hội về lao động, giáo dục và y tế đã được xác lập trên cơ sở chế độ sở hữu tập thể và công hữu hóa. Mọi người đến tuổi đi học đã được hưởng chế độ giáo dục như nhau; ai có khả năng phát triển trí lực đều được xã hội tạo điều kiện để nâng cao trình độ. Chế độ học tập không mất tiền đã đưa hàng triệu con em nhân dân lao động đến các trường đại học. Từ chế độ sở hữu tập thể và quốc hữu hóa, sự chăm sóc y tế cũng đồng đều cho mọi người. Hệ thống các cơ sở chữa bệnh, từ cơ quan, xí nghiệp đến làng xã, huyện, tỉnh, thành phố, đều chăm sóc nhân đạo cho người già yếu, người có bệnh. Trong xã hội, mọi thành viên đến tuổi lao động đều có việc làm ở hợp tác xã hay trong cơ quan, xí nghiệp nhà nước. Tất cả các cơ sở đào tạo đều bố trí việc làm cho những người đã được đào tạo.

Trên cơ sở chế độ hợp tác và quốc doanh, sự *phân phối theo lao động* đã được tiến hành. Tuy nhiên, do cơ sở hạ tầng của Việt Nam lúc này còn yếu kém, năng suất lao động rất thấp, nhiều cơ sở lao động không có việc làm, nên mặc dù phân phối theo lao động, nhưng giữa Chủ tịch nước và người phục vụ, giữa giám đốc xí nghiệp và công nhân bình thường, giữa người làm nhiều và làm ít... hưởng thụ không chênh lệch là bao.

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam lại phải tiếp tục đấu tranh để thống nhất Tổ quốc do âm mưu chia cắt lâu dài của các thế lực phản động tiến hành. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, Việt Nam đã thực hiện *chế độ phân phối bao cấp*. Chế độ phân phối bao cấp tuy đã huy động được sức người, sức của để thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước, nhưng trong xã hội đã tạo ra những bất công mới. Người làm nhiều, người có năng lực không có điều kiện để phát huy khả năng của mình. Sự dựa dẫm trong lao động, làm việc cầm chừng, chủ nghĩa trung bình xuất hiện làm cho năng suất lao động đã thấp, với sự phân phối bình quân, lại càng giảm sút thảm hại.

Năm 1975, đất nước được thống nhất, việc phân phối bình quân đã tạo ra sự bất công to lớn trên một diện rộng. Nhiều người có khả năng lao động tiềm tàng không được phát huy; nhiều người có cống hiến to lớn cho Tổ quốc không được

đền đáp thích đáng. Nhiều gia đình vì chiến tranh đã mất nhà, mất ruộng, mất cả người thân. Nhiều gia đình không còn sức lao động; nhiều thanh niên trai tráng đã ngã xuống ngoài mặt trận; nhiều làng mạc bị tàn phá, bệnh tật hoành hành; thương binh, tử sĩ cần phải có chế độ chăm sóc... Tất cả những vấn đề xã hội dồn tụ lại đã đưa Việt Nam đến *đổi mới*, xác lập *cơ chế thị trường* nhằm thực hiện nguyên tắc công bằng mới: xóa bỏ chế độ bao cấp, xây dựng những hệ chuẩn mới để *thực hiện phân phối theo lao động*.

Sau năm 1986, ở Việt Nam *bắt đầu thực hiện công bằng xã hội theo cơ chế thị trường*. “Cơ chế xin cho”, chủ nghĩa bình quân dân được xóa bỏ. *Cơ chế phân phối theo lao động* dần được xác lập. Trên cơ sở thị trường, người nào đáp ứng được thị trường, người nào có cống hiến nhiều cho xã hội thì người ấy được xã hội đền đáp công bằng. Tự do cạnh tranh xuất hiện.

Tuy nhiên, vấn đề phân phối theo lao động ở Việt Nam cũng gặp không ít khó khăn. Trước hết, do cơ chế thị trường mới hình thành, nên không phải ai có năng lực, có tài, có đức đều đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Có trường hợp, những người không có tài, không có đức lại giàu lên nhanh chóng; còn những người có tài, có đức lại bị thị trường cuốn trôi mất tăm. Sự *phân tầng xã hội* diễn ra nhanh và sâu đã tạo ra khá nhiều bất công mới trong xã hội.

Sau chiến tranh, nhiều gia đình đã mất sức lao động không thể tham gia vào thị trường lao động được. Những di hại của chiến tranh cũng gây nên khá nhiều bệnh tật cần được khắc phục. Do vậy, muốn có công bằng xã hội, không thể phân phối theo cơ chế thị trường thông thường, mà phải thực hiện phân phối theo lao động trên cơ sở *thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang tạo nên những chuẩn mực mới để thực hiện công bằng xã hội. Các chuẩn mực này bắt nguồn từ đạo lý “uống nước nhớ nguồn” truyền thống. Trước hết là việc phân phối theo lao động phải gắn với lòng yêu Tổ quốc. Những người buôn gian, bán lận, trốn tránh nghĩa vụ lao động không thể hưởng thụ như những người đã từng cống hiến sức người, sức của cho Tổ quốc. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, nhiều triều đại đã từng gắn công bằng xã hội với sự cống hiến cho Tổ quốc. Vào mùa xuân năm 1429, sau khi nhân dân Việt Nam chiến thắng quân Minh, Vua Lê Thái Tổ đã viết rằng: Hiện nay, “người đi đánh giặc thì nghèo, kẻ rong chơi thì giàu, người đi chiến đấu thì không có một thước, một tấc đất mà ở, còn những kẻ du thủ, du thực không có ích gì cho nước thì lại có quá thừa ruộng đất, hoặc đi làm nghề trộm cướp. Thành ra không có ai chịu hết lòng với nước chỉ ham nghĩ phú quý mà thôi. Các đại thần cần bàn định số ruộng cấp cho quan lại, quân nhân và dân chúng, trong từ đại thần trở xuống, dưới đến người

già yếu, mồ côi, góa chồng, đàn ông, đàn bà trở lên, loại nào được cấp bao nhiêu thì tau”(1).

Thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tiếp thu những giá trị văn hóa truyền thống, chấp nhận mọi sự cạnh tranh lành mạnh, nhưng không chấp nhận những kẻ trốn tránh nghĩa vụ xã hội, những thủ đoạn phá hoại lợi ích của người khác. Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước ấy sẽ can thiệp vào mọi sự tăng trưởng kinh tế, nếu nó đe dọa đến quyền lợi của đại đa số nhân dân. Phát triển kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội.

Để thực hiện công bằng xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước Việt Nam đã đề ra rất nhiều chính sách nhằm giúp đỡ những người tàn tật, già yếu, cô đơn, các gia đình thương binh, liệt sĩ, những dân tộc ở vùng cao, vùng xa, vùng sâu, những gia đình có công với cách mạng. Các chính sách xóa đói, giảm nghèo; các làn sóng từ thiện; các tổ chức giúp đỡ nhân đạo nhằm tạo sự công bằng mới cho xã hội đã ra đời.

Những bất công trong xã hội Việt Nam một phần là do một số nước đã tham chiến ở Việt Nam gây nên. Các nước ấy phải góp phần tái thiết Việt Nam, phải giúp đỡ Việt Nam phát triển nhanh hơn do chiến tranh đã làm thụt lùi xã hội Việt Nam hàng nhiều thập kỷ. Đó cũng là một sự công bằng xã hội.

Vấn đề công bằng xã hội ở Việt Nam, tuy đã được thực hiện trên cơ sở kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nguyên tắc phân phối theo lao động gắn liền với cống hiến cho Tổ quốc, nhưng hiện nay, trong xã hội *còn tồn tại nhiều bất công chưa giải quyết được*.

Trước hết là sự phân phối theo lao động. Ở Việt Nam, nhiều vùng ruộng đất còn manh mún chưa thể sản xuất lớn được; một số nhà máy, xí nghiệp do người nước ngoài đầu tư, vốn liếng trong nước còn ít ỏi. Điều đó hạn chế rất lớn năng lực sáng tạo của nhiều người Việt Nam.

Để phân phối một cách công bằng, trong tất cả các lĩnh vực xã hội cần có *một hệ chuẩn mực* đủ sức điều chỉnh nhanh nhạy và đúng hướng các bất công xảy ra trong lao động. Điều này chưa được thực hiện tốt ở Việt Nam. Trong xã hội, tuy là phân phối theo lao động, nhưng đang xảy ra những bất công bất khả kháng. Nhiều nghề lao động đơn giản lại có thu nhập lớn hơn nhiều lần lao động phức tạp. Nhiều lĩnh vực lao động trí óc lại hưởng thụ thấp hơn lao động chân tay. Nhiều sản phẩm lao động trí óc phức tạp vẫn chưa có thị trường. Nhiều người ở vùng xa, vùng sâu chưa được hưởng phúc lợi xã hội như ở các thành phố; mức sống, chế độ giáo dục, chăm sóc y tế ở nông thôn còn cách biệt với thành phố.

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, hiện đại hóa. Nhiều vấn đề công bằng xã hội đã được đặt ra. Có những nơi lấy đất của dân làm nhà máy thủy điện, nhưng nhân dân ở chính nơi ấy lại chưa được hưởng thành quả của công nghiệp hóa. Nhiều người bị mất đất vì đô thị hóa mà vẫn chưa có công ăn, việc làm. Vấn đề công bằng trong giáo dục và y tế vẫn còn là một nỗi nhức nhối chung của xã hội. Tuy giáo dục và y tế đã được xã hội hóa, nhưng những cơ hội để hưởng các thành quả ấy còn phụ thuộc vào thu nhập của nhân dân. Một bộ phận nhân dân còn thu nhập thấp, cơ hội được hưởng chế độ giáo dục và y tế cao là rất hiếm hoi. Chế độ lương của nhà nước còn bất hợp lý so với thu nhập ngoài nhà nước và sự tăng giá của thị trường. Người hưởng lương hưu, người già yếu, bệnh tật còn gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay, ở Việt Nam đang có một nguy cơ làm mất cân bằng xã hội là nạn tham nhũng và sự can thiệp của một số thế lực phản động. Chúng đã biến trắng thành đen, phá hoại sự ổn định xã hội, đảo lộn sự phân phối theo lao động...

Có thể nói, công bằng xã hội ở Việt Nam được diễn ra trong bốn thời kỳ khác nhau. Thời kỳ mất công bằng toàn diện là thời kỳ nhân dân Việt Nam sống dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Thời kỳ thứ hai là thời kỳ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đây là thời kỳ hình thành những chuẩn mực công bằng mới cho xã hội sau gần một thế kỷ bị áp bức, bóc lột. Thời kỳ này là “thời kỳ lãng mạn” trong lịch sử phát triển Việt Nam, thời kỳ mà người ta chỉ nghĩ đến cống hiến, ít nghĩ đến hưởng thụ; nghĩ đến lao động cho Tổ quốc mà không nghĩ đến thu vén cá nhân. Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hợp tác hóa, quốc doanh hóa và phân phối theo cơ chế bao cấp. Thời kỳ này đã tạo ra được nhiều giá trị công bằng về giáo dục, y tế, nhưng nó đã làm cho xã hội Việt Nam phát triển rất chậm và tạo ra sự mất công bằng ở những lĩnh vực lao động chủ yếu. Thời kỳ thứ tư là thời kỳ từ năm 1986 đến nay. Đây là thời kỳ thực hiện công bằng xã hội theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra các chuẩn mực công bằng trong việc phân phối theo lao động. Cùng với sự điều tiết của hàng loạt những chính sách xã hội tích cực, công bằng trong việc phân phối theo lao động đã kiềm chế khá nhiều bất công xảy ra, khi cơ chế thị trường làm phân tầng xã hội nhanh và sâu.

Nhìn chung, vấn đề công bằng xã hội tuy gắn với sự phân phối theo lao động, gắn với các chuẩn mực pháp luật và đạo đức, gắn với hàng loạt chế độ, chính sách, nhưng điểm tập trung của nó là vấn đề quyền lực, vấn đề chế độ xã hội. Cách đây 30 năm, ông Frank Scarpatti - một nhà xã hội học Mỹ, trong tác phẩm *Những vấn đề xã hội (Social Problems)* đã nhận xét rằng, “mục tiêu của

công bằng xã hội chỉ có thể thực hiện thông qua một chính sách làm giảm sự tập trung quyền lực và những nguồn tài nguyên kinh tế trong tay một tầng lớp nhỏ đặc quyền của xã hội”⁽²⁾.

Ở Việt Nam hiện nay, nhiều người đã nhận thức được rằng, cơ chế thị trường, dù là cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng chỉ giải quyết được *một phần, một bộ phận* của công bằng xã hội. Sức mạnh của cạnh tranh trong cơ chế thị trường, dù đã có sự can thiệp của nhà nước, nhưng hiệu quả kinh doanh vẫn là chủ yếu. Các vòng quay lợi nhuận không tạo ra sự công bằng tuyệt đối. Lợi nhuận là một nguyên tắc cứng trong cơ chế thị trường. Do lợi nhuận, có thể các lực lượng ngang nhau trên sân chơi phải tạo được thế quân bình để duy trì được sự vận động của các lợi ích. Tuy nhiên, cuối cùng, vẫn có người được, người mất. Và, trong cơ chế thị trường, người ta mong được lớn, được tối đa, do đó không dễ xác lập sự công bằng toàn diện.

Vẫn biết rằng, dù cơ chế thị trường nào thì cũng không thể có tự do vô hạn độ, song chiều sâu nhất của cơ chế thị trường vẫn phải chấp nhận sự bất bình đẳng, sự bất công, chấp nhận kẻ mạnh thì được, kẻ yếu thì thua.

Nhiều nhà triết học có tâm huyết hiện nay thừa nhận rằng, quy luật thị trường không phải là phương thức tốt nhất để giải quyết công bằng xã hội. Thị trường tài chính, thị trường ngân hàng, thị trường chứng khoán, thị trường lao động, vay nợ nước ngoài, sự phát triển không đều về khoa học, kỹ thuật, các làn sóng xuất khẩu, đầu tư, tin học..., trong bối cảnh toàn cầu hóa, đầu mang lại cơ hội cho việc giải quyết một số vấn đề về lợi ích cá nhân, tập thể, dân tộc và quốc tế; song cái thị trường ấy cũng chứa đầy những hiểm nguy, khi nó tạo ra sự mất mát, nô dịch, đói nghèo, tha hóa, vô nhân đạo dưới hình thức mới.

Rõ ràng là, vấn đề công bằng xã hội hiện nay không chỉ là năng suất lao động, sự giàu sang, thu nhập bình quân tính theo đầu người cao, mà chủ yếu là liên quan đến *chế độ xã hội*.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhận thức sâu sắc rằng, ở Việt Nam, muốn thực hiện được công bằng xã hội toàn diện thì phải gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là điều kiện đầu tiên để thực hiện công bằng xã hội và chủ nghĩa xã hội là cái nôi quan trọng để thực hiện các mục tiêu công bằng xã hội toàn diện. Để thực hiện được công bằng xã hội toàn diện, trước hết phải xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trên cơ sở xây dựng chính quyền nhân dân, muốn có công bằng xã hội phải phát triển mạnh lực lượng sản xuất theo hướng hiện đại, từng bước thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng hóa về các hình thức sở hữu, trong đó kinh

tế tập thể, kinh tế quốc doanh ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, đồng thời đa dạng hóa các hình thức phân phối.

Để thực hiện công bằng xã hội, Việt Nam phải xây dựng nền văn hóa mới. Đó là nền văn hóa gắn các giá trị tốt đẹp của truyền thống với tinh hoa của nhân loại, tạo nên một xã hội văn minh, dân chủ, vì lợi ích chân chính và nhân phẩm con người, làm cho mọi người đều có cơ hội như nhau trong quá trình phát triển tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ.

Công bằng xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gắn với chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, đoàn kết con người vì hòa bình, vì tình hữu nghị, hợp tác và tiến bộ xã hội.

Có thể nói, để thực hiện mục tiêu công bằng xã hội toàn diện trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần phải thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

- 1- Xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- 2- Hiện đại hóa lực lượng sản xuất.
- 3- Từng bước tập thể hóa, quốc doanh hóa trong quá trình thiết lập quan hệ sản xuất mới.
- 4- Xây dựng hệ tư tưởng chính thống trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- 5- Thực hiện đại đoàn kết: dân tộc, quốc tế, con người.
- 6- Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.
- 7- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đây cũng là các giải pháp lâu dài để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. *Giải pháp hiện nay* là, thông qua đổi mới toàn diện, làm cho xã hội Việt Nam đạt tới trạng thái ổn định vững chắc để tạo thế cho sự phát triển ở các chặng sau.

Như vậy, để thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay, vấn đề không chỉ là phân phối theo lao động gắn với cống hiến và hưởng thụ, mà là phải phát triển xã hội toàn diện. Các giải pháp kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa phải có sự dính kết như các mắt xích trong hệ thống xã hội lấy con người làm trung tâm.

Để thực hiện công bằng xã hội, các vấn đề về lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân, cũng như lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế chiếm một vị trí quan trọng. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi mục tiêu giải phóng các năng lực của con người,

trong đó có năng lực cá nhân và việc thiết lập khối đại đoàn kết dân tộc và quốc tế là những cái tạo ra sự phát triển công bằng bền vững.

Để thực hiện công bằng xã hội, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng Cộng sản Việt Nam còn khẳng định việc chú ý đến lao động, đến sự phân phối theo lao động, sự tương quan giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp, giữa thời gian lao động tất yếu và lao động tự do, giữa lao động và nhu cầu, giữa sở hữu lao động và thành quả lao động nhằm tạo cho các cá nhân sự hứng thú trong lao động và làm cho lao động trở thành nhu cầu bên trong của cá nhân. Đến lượt mình, chính quá trình này sẽ tạo nên mối quan hệ mới giữa cống hiến và hưởng thụ – cơ sở quan trọng để tạo ra sự phân phối công bằng.

Hiện nay, để thực hiện sự công bằng xã hội, chúng ta đang chú ý đến giải pháp *dân chủ hóa*. Chúng ta chấp nhận những luật chơi chung khi tham gia APEC và vào Tổ chức Thương mại thế giới nhằm tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa nền kinh tế ở Việt Nam, nhưng chúng ta không chấp nhận sự tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá. Tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội là sự tăng trưởng bền vững mà chúng ta đã và đang lựa chọn. Để thực hiện công bằng xã hội trong quá trình tăng trưởng kinh tế, chúng ta đang xây dựng cơ chế và thiết chế dân chủ theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên”⁽³⁾.

Dân chủ trên cơ sở *sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật* có một ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thiết lập công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Hiến pháp và pháp luật Việt Nam tạo điều kiện để những ai có khả năng cống hiến sẽ cống hiến hết sức mình và hưởng thụ theo lao động; những ai làm ăn phi pháp, buôn gian, bán lận đều bị trừng trị.

Để từng bước thiết lập công bằng xã hội toàn diện trong cơ chế thị trường hiện nay, chúng ta đang thực hiện nhiều giải pháp về ngân hàng, tài chính, thuế, các chính sách xã hội, giáo dục đạo đức và lý tưởng xã hội... nhằm phát triển tối đa năng lực sáng tạo của con người, duy trì và bảo đảm cho mọi sự cạnh tranh lành mạnh được phát triển. Để đảm bảo một phân công bằng xã hội, chúng ta cũng đang thực hiện Luật chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống độc

quyền và bảo vệ mọi quyền lợi chính đáng của nhân dân trong quá trình xây dựng một nền hành chính trong sạch.

Công bằng xã hội ở Việt Nam tuy đã trải những chặng đường dài, nhưng còn tồn tại không ít bất công. Việt Nam đang phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội - đó là con đường duy nhất đúng để đảm bảo công bằng xã hội theo nội dung mà nhân dân mong mỏi: mọi người đều có công ăn việc làm; mọi người đều sống no đủ và hạnh phúc; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Triết học*, số 5/2008

1. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t.II. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980, tr.300.

2. Frank Scarpatti. *Social Problems*. Nxb Dreyden Press USA, 1977, p.632.

3. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.698.